

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 84/2025/DS-PT
Ngày: 07 - 02 - 2025
V/v tranh chấp “Hợp đồng góp hui”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Vân

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Ngọc Thái Dũng

Bà Đỗ Thị Minh Nguyệt

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Vũ Tố Trang, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang:** Ông Dương Thanh Quang - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 07 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 650/2024/TLPT-DS ngày 18 tháng 12 năm 2024 về tranh chấp “Hợp đồng góp hui”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 154/2024/DS-ST ngày 09 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 727/2024/QĐ-PT ngày 26 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Võ Thị Mỹ N, sinh năm 1978; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. **Bị đơn:** Bà Võ Thị Kim Q (Võ Thị Thu T), sinh năm 1978. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ E, ấp M, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn: ông Lê Vĩnh P, sinh năm 1994. (Theo giấy ủy quyền ngày 05/9/2024) (bút lục 26-27) (Có mặt)

Địa chỉ: 4, Nguyễn Thị Đ, T, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh.

3. **Người kháng cáo:** Bị đơn bà Võ Thị Kim Q, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Lê Vĩnh P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm,

Nguyên đơn bà Võ Thị Mỹ N trình bày:

Bà Võ Thị Kim Q là chủ hội, tôi có tham gia 05 phần hội do bà Q làm chủ, cụ thể: Dây hội tháng 1.000.000 đồng, khai ngày 30/3/2022 âm lịch, có 52 phần, tôi tham gia 05 phần, đã đóng cho bà Q 25 kỳ. Dây hội này tôi đã hót 1 phần nhưng bà Q không giao tiền hội đầy đủ còn thiếu lại tôi số tiền 7.700.000 đồng. Còn 04 phần hội sống là 100.000.000 đồng,

Tổng cộng bà Q nợ tôi số tiền 107.700.000đ, yêu cầu bà Q trả cho tôi số tiền 107.700.000 đồng ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn bà Võ Thị Kim Q trình bày:

Tôi là chủ hội, chị N là hội viên có tham gia của tôi 01 dây hội với 05 phần và đóng tới kỳ thứ 21. Hàng tháng bà N đóng tiền hội sống cho tôi mỗi tháng 650.000 đồng, nay tôi đồng ý trả cho bà N số tiền hội vốn là 68.250.000 đồng.

Đại diện theo ủy quyền của bà Q là ông P trình bày:

Bà Q còn nợ lại bà N 05 phần hội đóng ở kỳ 21 nên chỉ đồng ý trả tiền hội vốn cho bà N là 68.250.000 đồng. Bà N thống nhất số kỳ như đại diện của bà Q trình bày, nhưng yêu cầu trả tiền hội có lãi với số tiền là 05 phần x 21 kỳ = 105.000.000 đồng – 2.500.000 đồng tiền hoa hồng cho mỗi phần hội, còn lại số tiền 102.500.000 đồng, yêu cầu bà Q phải trả cho bà N số tiền hội vốn 102.500.000 đồng, yêu cầu trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 154/2024/DS-ST ngày 09 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 244, Điều 266, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 468, Điều 471 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hội, biểu, phường.

Xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Mỹ N.

Buộc bà Võ Thị Kim Q (Võ Thị Thu T) phải trả cho bà Võ Thị Mỹ N số tiền nợ hội của 05 phần là 102.500.000 đồng (Một trăm lẻ hai triệu năm trăm ngàn đồng). Thực hiện việc trả tiền ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, nghĩa vụ chịu án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 23 tháng 9 năm 2024, đại diện ủy quyền của bị đơn là ông Lê Vĩnh P có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết bao gồm: Việc Tòa án cấp sơ thẩm chỉ căn cứ vào lời khai và quy hoàn toàn lỗi do bị đơn mà không xem xét đến yếu tố lỗi của nguyên đơn là bà Võ Thị

Mỹ N đã không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán các kỳ hạn còn thiếu dẫn đến bề dây hạn là chưa xem xét toàn diện vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn bà Võ Thị Mỹ N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà Võ Thị Kim Q trả số tiền nợ hạn là 102.500.000 đồng, trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

- Người kháng cáo bà Võ Thị Kim Q giữ nguyên kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về việc chấp hành pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa phúc thẩm: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đều thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo Bộ luật Tố tụng dân sự quy định. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng đúng pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án, cấp sơ thẩm xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Bà Võ Thị Kim Q kháng cáo nhưng không có cung cấp thêm chứng cứ mới nào để xem xét nên không chấp nhận. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị M và anh V, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 154/2024/DS-ST ngày 09 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn vắng mặt và đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS).

[2] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn bà Võ Thị Mỹ N khởi kiện yêu cầu bà Võ Thị Kim Q trả số tiền hạn là 102.500.000 đồng nên án sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp “Hợp đồng góp hạn” là có căn cứ đúng quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS).

[2] Về thủ tục tố tụng: Án sơ thẩm thụ lý giải quyết tranh chấp giữa nguyên đơn bà Võ Thị Mỹ N với bị đơn bà Võ Thị Kim Q là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung kháng cáo: Đơn kháng cáo của bà Võ Thị Kim Q là đúng quy định tại Điều 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được cấp phúc thẩm chấp nhận xem xét giải quyết.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Võ Thị Kim Q Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Cả hai bên đều xác định: bà Q là chủ hội. Bà N là hội viên. Dây hội 1.000.000 đồng khai ngày 30/3/2022 âm lịch bà N tham gia 05 phần đã đóng được 21 kỳ tương ứng với số tiền 105.000.000 đồng (21 kỳ X 1.000.000 đồng). Sau khi trừ tiền hoa hồng 500.000 đồng/một phần cho 5 phần là 2.500.000 đồng, bà N yêu cầu bà Q trả số tiền còn lại là 102.500.000 đồng. Tuy nhiên bà Q không đồng ý trả tiền hội có lãi, chỉ đồng ý trả tiền hội vốn mà bà N đã đóng là 68.250.000 đồng.

- Theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 16 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hội, biểu, phường thì các thành viên trong dây hội có nghĩa vụ trả lãi cho các thành viên chưa lĩnh hội khi được lĩnh hội. Như vậy thực tế tiền lãi mà các thành viên trong dây hội (bà N) được nhận là do thành viên đã lĩnh hội trả, không phải do chủ hội chi trả nên việc bà N yêu cầu trả tiền hội có lãi là phù hợp.

- Theo khoản 4 Điều 18 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hội, biểu, phường quy định nghĩa vụ của chủ hội như sau “4. Nộp thay phần họ của thành viên nếu đến kỳ mở họ mà có thành viên không góp phần họ, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.” Sau đó có quyền yêu cầu hội viên chưa góp hội trả lại tiền hội đã nộp thay.

Như vậy, theo quy định của pháp luật thì trong trường hợp có hội viên không thực hiện việc góp hội thì chủ hội phải có nghĩa vụ nộp thay sau đó được quyền yêu cầu hội viên chưa góp hội phải trả lại cho chủ hội phần đã góp thay đó. Do đó cấp sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, bà Q kháng cáo mà không có cung cấp thêm chứng cứ mới nào để xem xét nên không có cơ sở để chấp nhận.

[5] Ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang là phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Về án phí: bà Võ Thị Kim Q phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, khoản 3 Điều 428; Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 16, Điều 18, Điều 23 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định quy định về hội, họ biểu, phường; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Võ Thị Kim Q (Võ Thị Thu T) giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 154/2024/DS-ST ngày 09 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Mỹ N.

- Buộc bà Võ Thị Kim Q (Võ Thị Thu T) phải trả cho bà Võ Thị Mỹ N số tiền 102.500.000 đồng khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Võ Thị Mỹ N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Võ Thị Kim Q chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và khoảng thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí: bà Võ Thị Kim Q phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0002535 ngày 28/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C tỉnh Tiền Giang. bà Võ Thị Kim Q đã nộp xong án phí phúc thẩm. Bà Q còn phải chịu 5.125.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- H lại cho bà Võ Thị Mỹ N số tiền 2.692.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002980, ngày 30/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THA;
- Công thông tin điện tử;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thanh Vân